TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2022
V/v "Ly hôn giữa chị T và anh K, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cao

2. Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc T, sinh năm 1994

Địa chỉ thường trú: Tổ 9, đường n, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Địa chỉ hiện nay: Ấp p, xã p, huyện t, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Vũ K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 9, đường n, khu phố 8, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc T trình bày tóm tắt như sau: Do quen biết nên vào năm 2017, chị và anh Lê Vũ K đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/9/2017. Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nhật

Kim A, sinh ngày 30/01/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị và anh K đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Vũ K trình bày tóm tắt như sau: Anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị Trúc T về thời gian quen biết, điều kiện kết hôn và con chung. Anh thừa nhận anh và chị T hiện không còn chung sống với nhau khoảng 01 năm nay nên nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nhật Kim A, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc T yêu cầu ly hôn với anh Lê Vũ K. Anh K cũng đồng ý ly hôn với chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận ly hôn của chị T và anh K. Về con chung: Hiện cháu Lê Nhật Kim A do anh K trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Kim Anh cho anh K nuôi dưỡng. Anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về chia tài sản, nợ chung: Các bên xác định không tranh chấp về tài sản chung và không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Trúc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Vũ K. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nguyễn Thị Trúc T và anh Lê Vũ K có đăng ký kết hôn và

được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/9/2017 (Giấy đăng ký số 144) nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[4] Xét yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh K, thấy rằng: Chị T xác định không còn tình cảm với anh K nên xin ly hôn, anh K cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn với chị T. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng chị T và anh K đều không có thiện chí đoàn tụ. Chị T và anh K đều thống nhất ly hôn, đây là sự tự nguyện của các đương sự, nên cần được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nuôi con chung: Xét thấy, cháu Lê Nhật Kim A, sinh ngày 30/01/2018 hiện đang do anh K nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, chị T không chứng minh được anh K nuôi con không tốt, từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay thì chị về sống cùng cha mẹ ở T, Đ, hiện chưa có việc làm; anh K trình bày hiện anh đang làm nhân viên tại Bưu điện Bến Lức, thu nhập ổn định hàng tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của con chung, nên căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Lê Nhật Kim A cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị T, anh K ly hôn.

[6] Về phần cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự trước khi mở phiên tòa nên căn cứ Điều 6, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bên đương sự chị Nguyễn Thị Trúc T và anh Lê Vũ K phải chịu 50% mức án phí, mỗi bên phải chịu 25% mức án phí nhưng tại phiên tòa chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc T và anh Lê Vũ K.

2. Về quyền nuôi con chung: Anh Lê Vũ K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Nhật Kim A, sinh ngày 30/01/2018.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Toà án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc T và anh Lê Vũ K mỗi người chịu 75.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Trúc T chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008609 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An sang án phí. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Trúc T 150.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- UBND thị trấn B;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thúy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Cao – Dương Thị Sáu	**Trần Thị Thanh Thúy**